

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định; tạo sự thay đổi từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị trong ngành và tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp. Đồng thời, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của ngành và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tạo dựng môi trường số nông nghiệp làm nền tảng, thúc đẩy chuyển đổi tư duy từ “Sản xuất nông nghiệp” sang “Kinh tế nông nghiệp”.

- Hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở Chương trình Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, của UBND tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; quản trị và quản lý nông nghiệp dựa trên công nghệ số, xây dựng hệ thống dữ liệu ngành về đất đai, cây trồng, vật nuôi.

- Chuyển đổi số trong công tác quản lý nông nghiệp để đề xuất chính sách, điều hành phù hợp và kịp thời dựa trên dự báo, cảnh báo thị trường, cảnh báo dịch bệnh, quản lý quy hoạch.

- Ứng dụng công nghệ số trong các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, an toàn thực phẩm, giám sát dịch bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Phân đấu 100% các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh được hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử như: Voso.vn, Postmart.vn...

- Phân đấu 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh Bình Định và cả thiết bị di động.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ phân đấu đạt từ 70% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản, tài liệu điện tử.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 70% cơ sở dữ liệu về Nông nghiệp được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) có sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng, gồm:

- + Cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản;

- + Xây dựng bản đồ số nông nghiệp sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, vận hành chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số;

- Phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch, 80% các tổ chức xúc tiến thương mại được cấp tài khoản trên sàn thương mại điện tử và 80% số hộ sản xuất kinh doanh nông nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử.

- 80% nông dân và các chủ thể sản xuất nông nghiệp khi có nhu cầu sẽ được hỗ trợ, hướng dẫn đăng tải và kinh doanh các sản phẩm nông sản của mình trên sàn thương mại điện tử của tỉnh hoặc các kênh bán hàng Online.

- Các thông tin chủ yếu về quy hoạch, thống kê, báo cáo, phân tích số liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành được tích hợp, kết nối, chia sẻ trên Hệ thống dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở của tỉnh;

- 90% công chức, viên chức được định kỳ hàng năm tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; trong đó 10% được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên sâu kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Phấn đấu 100% cơ sở dữ liệu quản lý của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được số hóa, lưu trữ tập trung, chia sẻ trên Hệ thống dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở của tỉnh.

- Phấn đấu 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Phấn đấu 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

- Phấn đấu 100% cơ sở dữ liệu về Nông nghiệp được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) có sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng

- Phấn đấu 50% hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin.

- Phân đầu 100% nông dân và các chủ thể sản xuất nông nghiệp khi có nhu cầu sẽ được hỗ trợ, hướng dẫn đăng tải và kinh doanh các sản phẩm nông sản của mình trên sàn thương mại điện tử của tỉnh hoặc các kênh bán hàng Online.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Đổi mới tư duy, nhận thức về chuyển đổi số

- Người đứng đầu tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trực tiếp, nêu gương trong chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức địa bàn phụ trách; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, địa phương trong việc chủ động tham gia chuyển đổi số; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, tổ chức chính trị xã hội, người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số thông qua nhiều hình thức và phương tiện khác nhau như hội nghị, hội thảo, tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, khoá đào tạo bồi dưỡng.

- Xây dựng chuyên mục **“Chuyển đổi số nông nghiệp”** trên trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc để tuyên truyền, chia sẻ, phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng về chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới sáng tạo, câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số nông nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách

- Ban hành các đề án, kế hoạch, quy chế triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng lĩnh vực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong quá trình chuyển đổi số của ngành.

- Nghiên cứu, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

1.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số

- Hướng tới mục tiêu cải thiện, nâng cấp kết nối giữa hệ thống mạng nội bộ của ngành và hệ thống mạng chung của tỉnh phục vụ công tác kết nối, chia sẻ dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số.

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi IPv6 (thay thế IPv4) cho hệ thống thông tin của Sở đến năm 2025, từng bước triển khai chuyển đổi sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Phối hợp triển khai xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ sẵn sàng kết nối với nền tảng tích hợp.

- Tiếp tục triển khai sử dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu (CSDL) do Bộ, ngành Trung ương triển khai và các phần mềm do đơn vị đầu tư xây dựng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

2.1. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Rà soát và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện tiếp nhận trực tuyến 100% thủ tục hành chính. Phấn đấu 100% thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ thực hiện mức độ 4 trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.

- Xây dựng hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trực tuyến mức độ 4 bằng nhiều hình thức như: Tài liệu điện tử, video hướng dẫn, đường dây nóng, hỗ trợ Online trên trang thông tin điện tử, điện thoại di động; hướng dẫn người dân việc mở tài khoản và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Số hóa các tài liệu về văn thư lưu trữ theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Phát triển nền tảng dữ liệu số

a) Hình thành nền tảng dữ liệu số nông nghiệp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của tỉnh, của Sở về phát triển thương mại điện tử, dịch vụ nông nghiệp số,... trước mắt, ưu tiên các nội dung sau:

- Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng, số hóa quy trình để triển khai cấp mã số vùng trồng trực tuyến (online); thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

- Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y: xây dựng cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi; quản lý dịch bệnh động vật; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

- Lĩnh vực Lâm nghiệp: tiếp tục thu thập, ứng dụng và phân tích dữ liệu phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (FRMS) của Tổng Cục Lâm nghiệp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

- Lĩnh vực Thủy sản: Xây dựng CSDL về quản lý tàu cá; cấp giấy phép khai thác thủy sản; nuôi trồng thủy sản; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm tàu cá; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

- Lĩnh vực Phát triển nông thôn – Nông thôn mới: Triển khai tập huấn tuyên truyền về chuyển đổi số trong nông nghiệp cho các hợp tác xã, trang trại, cơ sở làng nghề nông thôn; cập nhập cơ sở dữ liệu các sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh lên Hệ thống quản lý dữ liệu, thông tin về sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh.

- Lĩnh vực Thủy lợi: Xây dựng phần mềm trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi, phòng chống thiên tai.

- Lĩnh vực Quản lý chất lượng, nông lâm sản và thủy sản: xây dựng cơ sở dữ liệu chế biến, kinh doanh, quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành cung cầu nông sản, dự báo thông tin thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Phối hợp với các ngành, địa phương triển khai kết nối, liên thông các nền tảng dữ liệu số thông qua các hệ thống, nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP¹).

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

3.1. Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

- Phối hợp triển khai các Đề án hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi số sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số, sản xuất thông minh...

¹ LGSP là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, cấp tỉnh chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi một Bộ, ngành, địa phương và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của Bộ, ngành, địa phương với các hệ thống bên ngoài

- Tham gia hỗ trợ các chương trình xúc tiến thương mại điện tử của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những doanh nghiệp thương mại điện tử lớn để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp.

3.2. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu các lĩnh vực của ngành

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch; tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như: đất đai, cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy lợi, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP,... ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh an toàn thực phẩm, trong đó để phần mềm chung của ngành được đảm bảo và phù hợp kết nối theo đề án kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành trong thời gian tới. Các đơn vị, các phòng chuyên môn thuộc Sở trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành đánh giá và phân tích các cơ sở dữ liệu đã được cập nhật và đưa vào vận hành các phần mềm hiện hữu từ đó đúc kết và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu cho phù hợp để tích hợp chia sẻ trong thời gian tới.

5. Phát triển thương mại điện tử trong tiêu thụ nông sản

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân tỉnh và các sở, ngành, đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong kết nối, quảng bá và tiêu thụ nông sản; đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh tham gia giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên 02 sàn thương mại điện tử Postmart.vn của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Voso.vn của Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel và các sàn thương mại điện tử khác,...; phân đấu toàn bộ sản phẩm OCOP tỉnh khi được UBND tỉnh công nhận đều được đưa lên các sàn thương mại điện tử.

- Triển khai áp dụng các hệ thống phần mềm quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc cho các cơ sở, doanh nghiệp tham gia vào các sàn thương mại điện tử, đề án, dự án nông nghiệp trọng tâm của tỉnh tại các khâu trong chuỗi như: Chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, vận chuyển, phân phối, kiểm tra, kiểm định; cung cấp tem mã truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý,...

6. Chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào quảng bá sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm ngành nghề nông thôn gắn với lợi thế du lịch của từng địa phương theo chuỗi giá trị; đặc biệt chú trọng đến chỉ dẫn địa lý, mã số mã vạch toàn cầu cho từng sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Chuyển đổi số trong công tác quản lý để đề xuất chính sách, điều hành phù hợp và kịp thời dựa trên dự báo, cảnh báo thị trường, cảnh báo dịch bệnh, quản lý quy hoạch.

- Tăng cường xây dựng, quảng bá hình ảnh, văn hoá con người Bình Định, các sản phẩm văn hoá, lịch sử, thành tựu phát triển, du lịch sinh thái, sản phẩm nông nghiệp đặc thù trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản, phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng trực tuyến (Diễn đàn kết nối nông sản 970²) và trên cơ sở dữ liệu cung cầu của các cơ quan, các hiệp hội, ngân hàng, doanh nghiệp.

7. Ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp

Tham mưu UBND tỉnh và phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo các cấp chính quyền địa phương, doanh nghiệp, Hợp tác xã và các đơn vị đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, xuyên suốt trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Đưa nội dung chuyển đổi số vào phương án sản xuất nông lâm, thủy sản hằng năm để chỉ đạo triển khai thực hiện; gắn nhiệm vụ chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp với thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 4547/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh cũng

² “Diễn đàn Kết nối nông sản 970” được thành lập theo Quyết định số 3993/QĐ/BNN-TCCB ngày 13/10/2021, thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản, tham mưu và tổ chức thực hiện các Diễn đàn theo hình thức trực tuyến để kết nối thông tin sản xuất gắn với tiêu thụ nông, lâm, thủy sản theo từng chủ đề, ngành hàng, sản phẩm OCOP và thông tin quảng bá các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn từng vùng miền.

như chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- **Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:** tập trung phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và nhu cầu lớn, ổn định, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; nghiên cứu, lựa chọn và đưa vào sử dụng các loại giống cây trồng mới cho năng suất, chất lượng cao và thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số (IoT) để tự động hóa các quy trình sản xuất, giảm chi phí nhân công; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất đến chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm; ứng dụng canh tác không dùng đất (thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng).

- **Chăn nuôi và Thú y:** đẩy mạnh phát triển các vật nuôi chủ lực, tiềm năng như heo, gà, bò nhằm đảm bảo cung ứng các sản phẩm thịt heo, thịt gà và trứng gia cầm; thị bò, phát triển sản xuất chăn nuôi công nghệ cao, quy mô lớn, đảm bảo an toàn sinh học; sử dụng giống năng suất, chất lượng cao; ứng dụng các phần mềm để tự động hóa trong việc quản lý, vận hành thức ăn, nước uống, sát trùng và xử lý môi trường chăn nuôi.

- **Lâm nghiệp:** Tăng cường công tác, quản lý bảo vệ phát triển rừng bền vững gắn với tăng cường bảo vệ tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp góp phần bảo vệ hiệu quả diện tích rừng hiện có; ứng dụng thiết bị, kỹ thuật hiện đại để theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, dự báo nguy cơ cháy rừng, kịp thời phát hiện cháy rừng thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Quản lý chặt chẽ giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo chất lượng tốt, truy xuất được nguồn gốc, truy xuất nguồn gốc gỗ và các doanh nghiệp sản xuất gỗ trên địa bàn tỉnh.

- **Thủy sản:** Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong khai thác và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tốt hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá (VNFISHBASE); ứng dụng công nghệ số vào sản xuất nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao.

- **Phát triển nông thôn - Nông thôn mới:** Xây dựng các Phương án hướng dẫn thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP; ưu tiên thực hiện đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất tham gia chuỗi liên kết, có nền tảng, quy mô sản xuất, sản phẩm đảm bảo các điều kiện thực hiện chuyển đổi số;

- **Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn**

- Ứng dụng dữ liệu dân cư; định danh và xác thực điện tử trong việc quản lý các hộ gia đình đang sử dụng nước sạch do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn cung ứng, phục vụ việc quản lý, vận hành và thanh toán tự động không dùng tiền mặt trên 50% khách hàng.

- Số hóa, cập nhật và chia sẻ dữ liệu về cấp nước sạch nông thôn (*Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh*).

- Nâng cấp xây dựng cơ sở dữ liệu website Trung tâm để người dân tiện theo dõi và đánh giá bộ chỉ số. Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng của Trung Tâm kết hợp tra cứu dân cư từ thẻ căn cước, chứng minh nhân dân hoặc mã định danh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ tuyên truyền chuyển đổi nhận thức, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, đảm bảo an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo trong môi trường số, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án, hạng mục do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

3. Các Phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xây dựng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện công tác chuyển đổi số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu thực hiện một số nội dung công việc có liên quan, cụ thể như sau:

- Văn phòng Sở tham mưu ban hành quy chế và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc; phối hợp với phòng TCCB tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh, của Sở đảm bảo bám sát mục tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/ 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh.

- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp: Phối hợp với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tham mưu triển khai thực hiện về nội dung chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; lồng ghép triển khai chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào kế hoạch phát triển sản xuất ngành hàng năm nhằm đẩy mạnh thực hiện thành công chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 của UBND tỉnh.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản: tổ chức, triển khai phối hợp các đơn vị trực thuộc xây dựng cơ sở dữ liệu chế biến, kinh doanh, quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản.

- Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp và nông thôn: Phối hợp với các đơn vị trực thuộc xây dựng cơ sở dữ liệu trong công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển các vùng sản xuất của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Trưởng các phòng chuyên môn, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng nhiệm vụ của phòng, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp và tập trung triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả chuyển đổi số năm 2022 và định hướng đến năm 2025 của đơn vị.

2. Các đơn vị trực thuộc sở

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, triển khai các danh mục nhiệm vụ, đề án thực hiện Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 được nêu theo **Phụ lục đính kèm** Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Sở) trước ngày 15/12 hàng năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; Xây dựng, thiết kế tờ bướm, tờ rơi có nội dung tuyên truyền chuyển đổi số liên quan lĩnh vực ngành quản lý cho các địa phương, trang trại, hợp tác xã và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm về

chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt việc chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch; lập danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số cần ưu tiên triển khai từ nay đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 để xây dựng kinh phí thực hiện trong thời gian tới theo lộ trình.

- Hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính, đặc biệt cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa hành chính, đảm bảo đạt và vượt các tiêu chí về giải quyết hồ sơ và mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp với Văn phòng Sở trong quá trình đánh giá và phân tích các cơ sở dữ liệu đã được cập nhật và đưa vào vận hành các phần mềm hiện hữu từ đó đúc kết và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu cho phù hợp để tích hợp chia sẻ trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc chủ động đề xuất gửi về Văn phòng Sở tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, đơn vị trực thuộc Sở (thực hiện);
- Các Công ty TNHH: Lâm nghiệp Quy Nhơn, Hà Thanh, Sông Kôn, KT CTTL Bình Định;
- Phòng NN&PTNT/KT các huyện/thị xã/thành phố;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Phúc

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày tháng 7 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định)

STT	Danh mục, nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Xây dựng, phát triển nền tảng cho Chuyển đổi số				
1	Chuyển đổi nhận thức				
1.1	Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng Sở	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Quý III năm 2022	
1.2	Triển khai tập huấn tuyên truyền về chuyển đổi số trong nông nghiệp cho các hợp tác xã, trang trại, cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề	Chi cục Phát triển nông thôn	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	
1.3	Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số nông nghiệp” trên trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Quý III Năm 2022	
1.4	Tổ chức Ngày chuyển đổi số trong nông nghiệp 19/8	Văn phòng Sở	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Quý III năm 2022	Theo nhiệm vụ được giao của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách				
2.1	Xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Văn phòng Sở; Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Quý II năm 2023	Sau khi Đề án của Bộ Nông nghiệp và PTNT được ban hành
2.2	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin	Chi cục Chăn	Các phòng, các	Năm 2023	Theo nhiệm vụ và nội

	tin và chuyển đổi số trong công tác chăn nuôi thú y giai đoạn 2022-2025	nuôi và Thú y	đơn vị thuộc Sở		dung được phân công trong Đề án của Bộ Nông nghiệp và PTNT khi được ban hành
2.3	Triển khai thực hiện các mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	Văn phòng ĐPXD Nông thôn mới	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	
2.4	Rà soát thực hiện đánh giá các phần mềm đã được áp dụng trong quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở đó lập danh mục cơ sở dữ liệu phù hợp theo dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	
2.5	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng lĩnh vực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong quá trình chuyển đổi số	Các đơn vị thuộc Sở	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên	
3	Phát triển hạ tầng số, nền tảng số				
3.1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	Theo dự án được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ
3.2	Xây dựng nền tảng tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT (LGSP)	Văn phòng Sở	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Quý I năm 2023	Theo nhiệm vụ được giao và phân công của Bộ Nông nghiệp và PTNT

4	Phát triển nền tảng dữ liệu số				
4.1	Tham gia xây dựng dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng, số hóa quy trình để triển khai cấp mã số vùng trồng trực tuyến (online)	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	Triển khai thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4.2	Tiếp tục theo dõi, cập nhật dữ liệu cho phần mềm sâu bệnh trên rau (https://saubenhtrênrau.com/)	Chi cục Trồng trọt và BVTV		Thường xuyên	
4.3	Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	Theo nhiệm vụ và nội dung được phân công trong đề án của Bộ Nông nghiệp và PTNT khi được ban hành
4.4	Tham gia xây dựng ứng dụng thuốc bảo vệ thực vật trên điện thoại thông minh	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	Triển khai thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4.5	Số hóa cơ sở dữ liệu hạ tầng thủy lợi, đê, kè đối với công trình thẩm định và hoàn thành đưa vào sử dụng công trình, hạng mục công trình	Phòng Quản lý xây dựng công trình	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Đến năm 2024	
4.6	Truy xuất nguồn gốc nông sản cho hợp tác xã và trang trại	Chi cục Quản lý Chất lượng NLS và TS	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	Triển khai thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4.7	Tham gia xây dựng hệ thống phần mềm dữ liệu điều hành cung cầu nông sản	Chi cục QLCL NLS và Thủy sản	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	
4.8	Tiếp tục theo dõi, cập nhật dữ liệu phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (FRMS) của Tổng Cục Lâm	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	

	nghiệp				
4.9	Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về HTX, Doanh nghiệp nông nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản;	Chi cục PTNT	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2022	
4.10	Xây dựng CSDL về quản lý tàu cá; cấp giấy phép khai thác thủy sản; nuôi trồng thủy sản; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn VSTP tàu cá	Chi cục Thủy sản	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	
4.11	Xây dựng phần mềm ứng dụng trên điện thông minh (phiên bản truy suất dữ liệu theo danh mục công trình và một số thông số kỹ thuật chính), máy tính về CSDL thủy lợi trên địa bàn tỉnh (phiên bản đầy đủ)	Chi cục Thủy lợi	Các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh	Năm 2023	
4.12	Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu trong công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển các vùng sản xuất của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Trung tâm Quy hoạch NNNT	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Đến năm 2025	
II	Chuyển đổi số trong cải cách hành chính theo định hướng phát triển Chính phủ Điện tử				
1	Hệ thống quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử theo quyết định 485/QĐ-TTg ngày 03/4/2020	Văn phòng Sở	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	
2	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, Wifi, máy tính, trang thiết bị CNTT, lưu trữ và phòng chống mã độc, đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT tại các đơn vị, nâng cao năng lực phòng chống và xử	Văn Phòng Sở; đơn vị trực thuộc Sở		Quý II năm 2023	Văn phòng Sở tổng hợp đề xuất của các Chi cục; tham mưu báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện

	lý, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng				
III	Phát triển kinh tế số nông nghiệp				
1	Tham gia xây dựng các mô hình sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh có quy mô vùng, công nghiệp chuyển đổi số”, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.	Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	Theo văn bản triển khai của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IV	Phát triển nông thôn số, nông dân số				
1	Xây dựng các Câu lạc bộ cộng đồng “Kết nối chuyển đổi số”, trong đó nòng cốt là các thành viên hợp tác xã nông nghiệp	Chi cục Phát triển nông thôn	Các phòng, các đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên đến 2025	
V	Phát triển thương mại điện tử				
1	Hỗ trợ đưa nông sản (sản phẩm chủ lực, đặc sản, OCOP) lên Phiên chợ Khuyến nông (http://phiencho.khuyennongvn.gov.vn)	Trung tâm Khuyến nông; Văn phòng ĐP XD NTM		Thường xuyên	
2	Hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác đưa nhóm mặt hàng nông sản chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia trang thông tin sản phẩm tỉnh lên sàn TMĐT như postmart.vn - Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Sàn voso.vn - Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel...	Các Chi cục: TrTr và BVTv; Thủy sản; Kiểm lâm; Chăn nuôi - Thú y, QLCL Nông lâm sản và Thủy sản		Thường xuyên	Rà soát danh mục sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của xã tiến hành xây dựng thương hiệu, triển khai dịch vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, làm các thủ tục theo quy định đưa sản phẩm lên các Sàn thương mại điện tử

